

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng ;

Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong-Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

Anh và chị Phan Thị N tự tìm hiểu nhau một thời gian, đến năm 2009, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/01/2010. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên thường cự cãi qua lại, dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, do đó hai người đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, sau khi ly thân chị N đi tỉnh Bình Dương làm công nhân, anh ở

nhà làm ruộng và nuôi các con. Trong thời gian ly thân hai bên không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn.

Nay anh nhận thấy tình cảm giữa anh và chị N không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có ba con chung là cháu Lê Thị Cẩm N1, sinh ngày 27/5/2009, cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/9/2011 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2013, sau khi anh và chị N sống ly thân, chị N đi tỉnh Bình Dương làm công nhân, các con do anh nuôi dưỡng và cho đi học tại trường Tiểu học thị trấn 2, huyện 3. Cách nay mấy tháng chị N về chơi và đưa các con về bên nhà ngoại, nhà ngoại cách nhà anh mấy chục mét, sau đó thì giữ các cháu ở lại. Nay anh có ý kiến và yêu cầu như sau:

Do chị N không khả năng nuôi ba con chung, nên anh đồng ý giao cháu Lê Thị Cẩm N1, sinh ngày 27/5/2009 cho chị N nuôi dưỡng đến trưởng thành, yêu cầu chị N giao cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/9/2011 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2013 cho anh được nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19/10/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa bị đơn chị Phan Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N thống nhất theo lời trình bày của anh Đ về đăng ký kết hôn, về nguyên nhân gây mâu thuẫn vợ chồng, chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Đ, nên đồng ý ly hôn cùng anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có ba con chung là cháu Lê Thị Cẩm N1, sinh ngày 27/5/2009, cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/9/2011 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2013 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn Đ và chị Phan Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/01/2010, việc anh Đ và chị N kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ và chị N thường bất đồng trong cuộc sống vợ chồng và anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ, nhưng anh chị không thống nhất mà tự nguyện cùng nhau thuận tình ly hôn;

Xét thấy: Sự thỏa thuận thuận, thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị N là không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị N có ba con chung là cháu Lê Thị Cẩm N1, sinh ngày 27/5/2009, cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/9/2011 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2013, hiện nay đang do chị N nuôi dưỡng;

Chị N trình bày: Hiện nay ba con chung đang do chị nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con;

Anh Đ trình bày: Hiện nay chị N đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, việc nuôi dưỡng các con rất khó khăn, mặt khác sau khi sống ly thân các con do anh nuôi dưỡng, chỉ khi chị N đi làm ở tỉnh Bình Dương về, chị N đưa các con về nhà ngoại chơi, sau đó chị gửi ông bà ngoại nuôi lâu lâu mới về thăm con, các con đang tuổi đi học vì vậy việc chị N nuôi dưỡng các con là rất khó khăn. Nay anh có ý kiến và yêu cầu như sau: Anh đồng ý giao cháu Lê Thị Cẩm N1, sinh ngày 27/5/2009 cho chị N nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu là Lê Thị L, sinh ngày 22/9/2011 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2013 đến trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và anh cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị N;

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 19/10/2018 cháu Lê Thị Cẩm N1 và Lê Thị L trình bày: Các cháu đang học tại Trường tiểu học 2, thị trấn 2, huyện 3. Khi cha mẹ ly hôn thì xin được mẹ nuôi dưỡng, vì cha không còn thương mẹ;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Tòa án nhận định: Tại thời điểm hiện nay chị N đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, thu nhập không cao, không có chỗ ở ổn định, anh Đ có chỗ ở và có thu nhập ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, nên cấp nhận yêu cầu của anh Đ là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Đối với ý kiến của cháu Lê Thị L có yêu cầu được mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn, yêu cầu của cháu là không phù hợp với thực tế và hoàn cảnh của chị N hiện nay và để bảo vệ quyền lợi về mọi mặt cho cháu nên việc giao cháu cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế hiện nay;

Do đó buộc chị N phải giao hai cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/9/2011 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2013 cho anh Đ được nuôi dưỡng đến trưởng thành là có căn cứ;

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ nuôi hai con chung, chị N nuôi một con chung, lẽ ra chị N phải cấp dưỡng nuôi một con chung cho anh Đ, nhưng anh Đ không yêu cầu, nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Đ và chị N trình bày anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Đ và chị Phan Thị N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn Đ đối với chị Phan Thị N.

Buộc chị Phan Thị N phải giao hai cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/9/2011 và cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2013 cho anh Lê Văn Đ được nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Đ ự nguyện giao cháu Lê Thị Cẩm N1, sinh ngày 27/5/2009 cho chị N được nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do các bên không có yêu cầu.

Anh Lê Văn Đ và chị Phan Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Đ phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số: BH/2017- 0004390 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, anh Đ không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều

9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- UBND thị trấn 2;
- Đường sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)
Bùi Văn Toán**